

Bản án số: 58/2020/DS –ST
Ngày: 10 - 7 - 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền;

2. Ông Nguyễn Văn Nô.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số 330 Trần Phú, khóm Long Hưng, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- ***Đồng bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961 và ông Trần Văn S, sinh năm 1956; nơi cư trú: Số 169 Trần Phú, khóm Long Hưng, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2019, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Vào ngày 14/4/2016, do quen biết nên bà T có cho bà Nguyễn Thị C vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, với lãi suất 3%/tháng, có làm hợp đồng vay mượn tiền (theo hợp đồng vay mượn tiền ngày 14 tháng 4 năm 2016).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà C đã vi phạm hợp đồng là không thanh toán tiền theo hợp đồng đã ký dù cho bà T có liên hệ nhiều lần

nhưng bà C vẫn không thanh toán. Ngày 25/4/2018, ông S (chồng bà C có viết giấy hẹn đến ngày 31/5/2018 trả cho bà T 25.000.000 đồng nhưng ông S, bà C vẫn không thực hiện nên bà T có yêu cầu bà C và ông S có trách nhiệm trả số tiền vốn là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 16/4/2016 cho đến ngày xét xử.

Ngày 03/6/2020, bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi suất vay theo quy định pháp luật đối với bà C và ông S kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2016 cho đến ngày xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn S cùng trình bày: Ông S và bà C thừa nhận có vay tiền của bà T với số tiền là 50.000.000 đồng về thời gian vay, thời hạn trả nợ, với lãi suất vay đúng như lời trình bày trên của bà T, nay ông S và bà C cho rằng do gia đình ông S và bà C đang gặp hoàn cảnh hết sức khó khăn nên có yêu cầu xin bà T không phải tính lãi phát sinh của số tiền vay trên và xin giảm vốn vay 10.000.000 đồng còn nợ lại số tiền vốn là 40.000.000 để ông S và bà C có điều kiện trả dần số nợ còn lại như đã nêu trên cho bà T.

Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Thanh T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu có ý kiến với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý và tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa như đã quy định.

Bà C và ông S vắng mặt xét xử lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn S.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Huỳnh Thị Thanh T với bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn S, hai bên có làm hợp đồng (theo hợp đồng vay mượn tiền ngày 14/4/2016), bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc không tính lãi số nợ vay trên đối với bà C và ông S; bà C và ông S thừa nhận còn nợ lại bà T số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng như lời trình bày trên của bà T; bà C và ông S có yêu cầu bà T giảm số tiền vốn vay 10.000.000 đồng, số còn lại 40.000.000 đồng xin trả dần cho đến khi dứt số nợ trên nhưng không được bà T đồng ý về phương thức thanh toán và giảm số tiền vốn 10.000.000 đồng.

Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ các Điều 217; 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với việc tính lãi kể từ ngày vay đến ngày xét xử; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T, buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn S có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà T.

Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tính án phí các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Thanh T với bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn S tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại: Số 169 Trần Phú, khóm Long Hưng, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án dân sự, đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà C và ông S vắng mặt xét xử lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn S.

Về nội dung:

[3] Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn S thì các bên đương sự thống nhất số tiền bà C và ông S còn nợ lại bà T là 50.000.000 đồng vốn vay, hiện nay do làm ăn thua lỗ và hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên không còn khả năng thanh toán, bà C và ông S có xin bà T giảm phần nợ vốn 10.000.000 đồng, không tính lãi phát sinh kể từ ngày vay đến ngày xét xử, số nợ còn lại 40.000.000 đồng xin trả dần mỗi tháng cho đến khi hết số nợ trên, bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu tính lãi số nợ vay và không đồng ý giảm số nợ tiền vay 10.000.000 đồng và xin trả dần theo yêu cầu của ông S, bà C. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 do đó, theo yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà C và ông S có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.000.000 đồng cho bà T ngay một lần là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Đối với yêu cầu của bà C và ông S về việc giảm phần nợ vốn 10.000.000 đồng, số nợ còn lại 40.000.000 đồng xin trả dần cho đến khi hết số nợ trên nhưng không được bà T đồng ý và Hội đồng xét xử nhận định bà C và ông S không thực hiện việc trả nợ tiền vay cho bà T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên buộc bà C và ông S có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số nợ tiền vay là 50.000.000 đồng. Đối với yêu cầu không tính lãi phát sinh kể từ ngày vay đến ngày xét xử của bà C và ông S, do bà T có đơn xin rút một phần về việc yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi của bà T như đã nêu trên.

[4] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà C và ông S mỗi người phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông S là người cao tuổi được miễn phần án phí ông S phải chịu, số còn lại 50% bà C phải chịu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 217; Điều 218 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn S trả lãi theo quy định pháp luật của số nợ vốn vay 50.000.000 đồng từ ngày 14/4/2016 cho đến ngày xét xử.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T, buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn S có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn S mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng. Tổng cộng là 2.500.000 đồng, ông Trần Văn S là người cao tuổi được miễn 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; số còn lại 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị C phải chịu.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Thanh T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm chục nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0002257 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm